

CHẤT LƯỢNG TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA VIỆT NAM HIỆN NAY

LUU NGỌC TRINH* TRẦN ĐỨC VUI **

Nước ta hiện nay có tốc độ tăng trưởng kinh tế được đánh giá là cao trong khu vực. Tuy nhiên khi xem xét vấn đề này, điều quan trọng hơn là tìm hiểu chất lượng của sự tăng trưởng. Bài viết dưới đây đề cập đến những thành tựu đạt được, cũng như những hạn chế trong chất lượng tăng trưởng kinh tế của nước ta để cung cấp cho bạn đọc một cái nhìn toàn diện hơn về vấn đề nêu trên.

S AU hơn 20 năm thực hiện đổi mới, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam đã tăng lên liên tục. Nếu như trong giai đoạn đầu đổi mới (1986 - 1990), GDP chỉ đạt mức tăng trưởng bình quân 4,4%/năm, thì trong 5 năm tiếp theo (1991 - 1995), tăng trưởng GDP bình quân là 8,2%, cao hơn so với kế hoạch đề ra là 5,5% - 6,5%, và thuộc vào loại cao trong số các nước đang phát triển. Trong giai đoạn 1996 - 2000, tốc độ tăng GDP bình quân của Việt Nam là 6,9%, tuy có thấp hơn nửa đầu thập niên 90 thế kỷ XX do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á, nhưng vẫn vào loại cao trong khu vực. Năm 2001, tốc độ tăng GDP của Việt Nam là 6,9%, năm 2002: 7%, năm 2003: 7,3%, năm 2004: 7,7%, năm 2005: 7,5%, năm 2006: 8,2% và năm 2007: 8,5%. So với các nước trong khu vực, Việt Nam đứng vào hàng các quốc gia có tốc độ tăng trưởng rất cao. Cùng với tăng trưởng kinh tế cao, chất lượng tăng trưởng kinh tế cũng đang được cải thiện. Tuy nhiên, theo nhiều đánh giá trong nước và quốc tế, mặc dù Việt Nam đạt được những kết quả tăng trưởng cao, nhưng đó là những kết quả tăng trưởng theo chiều rộng chứ chưa có sức bật tăng trưởng theo chiều sâu. Việt Nam vẫn đang ở trong

ranh giới của những nước kém phát triển theo tiêu chuẩn của Liên hợp quốc.

1 - Chất lượng tăng trưởng kinh tế ngày càng được cải thiện

Nhờ đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong suốt thời kỳ đổi mới, chất lượng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam cũng ngày càng được cải thiện. Điều đó thể hiện ở các khía cạnh cơ bản sau:

- *Thu nhập theo đầu người ngày càng tăng.* Trước thời kỳ đổi mới, phần lớn dân số nước ta sống bằng nghề nông, Việt Nam bị đánh giá là một đất nước nghèo nàn, lạc hậu, với mức thu nhập bình quân đầu người rất thấp và có nhiều người trong diện nghèo đói. Đường lối đổi mới và chính sách hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người lao động, dẫn đến nâng cao thu nhập cho người dân. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người ở Việt Nam trong giai đoạn 1990 - 2002 đạt trung

*Viện Kinh tế và Chính trị thế giới

** Trường Kinh tế, Đại học quốc gia Hà Nội

bình 5,2%. Thu nhập bình quân đầu người năm 2007 của người dân Việt Nam đã đạt 820 USD/năm. So với năm 1995, mức thu nhập bình quân đầu người hiện nay của Việt Nam đã tăng khoảng 2,8 lần.

- *Tỷ lệ nghèo đói có xu hướng giảm mạnh.* Trên cơ sở kinh tế tăng trưởng nhanh, mức độ nghèo đói của dân cư giảm mạnh. Năm 2006, tỷ lệ hộ nghèo ở Việt Nam là 18,1% (tính theo chuẩn nghèo quốc tế) và được thế giới đánh giá là thành công trong việc chống nghèo đói.

- *Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam tăng lên đáng kể.* Nhờ chú trọng giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe, hạn chế tỷ lệ sinh, nên chỉ số phát triển con người của Việt Nam đã được cải thiện đáng kể. Năm 2006, HDI của Việt Nam đạt 0,709, cao hơn nhiều nước có cùng trình độ phát triển kinh tế.

- *Đời sống kinh tế, sinh hoạt của người dân ngày càng được cải thiện.* Đến nay ở Việt Nam có 89,4% xã đã có điện, 94,6% xã có đường trải nhựa, 98,9% xã có trường tiểu học và 99% các xã có trạm y tế. Nhiều mục tiêu đề ra đã đạt được hoặc vượt mức như tỷ lệ chết ở trẻ em dưới 1 tuổi chỉ còn 2,1%, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn 25%, tỷ lệ thôn bản có cán bộ y tế cộng đồng đạt 79,8%. Tuổi thọ của người dân (năm 2006) đạt 71,3 tuổi. Phần lớn người dân Việt Nam đã có những tiện nghi tối thiểu cho sinh hoạt hằng ngày như điện, nước sạch, ti vi... Tỷ lệ hộ dân có phương tiện đi lại bằng xe máy, ô-tô và sử dụng các phương tiện sinh hoạt cao cấp như điện thoại di động, máy tính cá nhân,... ngày càng có xu hướng tăng nhanh.

- *Cơ cấu kinh tế có sự dịch chuyển rõ nét theo hướng hiện đại hóa.* Nếu năm 1990, ngành nông - lâm - ngư nghiệp chiếm tới 38,7% GDP, thì đến năm 2006 giảm còn 20,4%. Trong khi đó, các ngành công nghiệp và xây dựng ngày càng chiếm tỷ trọng lớn, tăng tương ứng từ 22,7% lên 41,5%. Ngành dịch vụ duy trì khá ổn định ở mức khoảng 38%. Xét trong từng nhóm ngành, cơ cấu ngành kinh tế cũng có sự thay đổi tích cực. Trong nhóm ngành nông - lâm - ngư nghiệp, tỷ trọng của ngành nông nghiệp và lâm nghiệp đã giảm, nhường chỗ cho ngành

thủy sản tăng lên. Trong cơ cấu ngành công nghiệp, tỷ trọng của ngành công nghiệp chế biến cũng không ngừng tăng. Cơ cấu ngành dịch vụ cũng thay đổi theo hướng tăng nhanh tỷ trọng của các ngành dịch vụ có chất lượng cao như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, du lịch,...

- *Năng suất lao động ngày càng tăng.* Những ngành có năng suất lao động tăng cao nhất phải kể đến là ngành khai thác (tăng 17%/năm), ngành điện, khí đốt, nước (tăng 11,1%) nhờ áp dụng nhiều tiến bộ khoa học và công nghệ mới trong sản xuất kinh doanh và quản lý. Hệ số vốn đầu tư phát triển so với tốc độ tăng GDP đã giảm, chứng tỏ hiệu quả đầu tư đã tăng lên, mặc dù vẫn còn cao hơn rất nhiều so với các nước trong khu vực như Trung Quốc, Ấn Độ do chi phí lớn. Xét chung lại, tốc độ tăng năng suất lao động của Việt Nam thời kỳ 2001 - 2005 đạt bình quân 4,81%/năm⁽¹⁾.

- *Thể chế kinh tế thị trường bước đầu được hình thành.* Sự chuyển đổi thể chế kinh tế hiện chủ yếu là dựa vào thị trường, để cho giá cả tự điều tiết, tôn trọng quan hệ cung cầu, khuyến khích kinh tế tư nhân, hình thành hàng loạt các thị trường,... Việt Nam đã có Luật Đầu tư nước ngoài từ năm 1987, Luật Doanh nghiệp tư nhân và Luật Công ty (năm 1991); Hiến pháp sửa đổi năm 1992 đã bảo đảm sự tồn tại và phát triển của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, và khu vực đầu tư nước ngoài. Tiếp theo đó là hàng loạt đạo luật quan trọng để vận hành nền kinh tế thị trường đã ra đời như Luật Đất đai, Luật Thuế, Luật Phá sản, Luật Môi trường, Luật Lao động và hàng trăm pháp lệnh, nghị định khác của Chính phủ nhằm cụ thể hóa việc thực hiện luật và thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

Cùng với việc hình thành khuôn khổ pháp lý cho nền kinh tế thị trường, các thể chế thị trường ở Việt Nam cũng từng bước được hình thành. Chính phủ đã chủ trương xóa bỏ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, nhấn mạnh quan hệ hàng hóa - tiền tệ, tập trung vào các biện pháp quản lý kinh tế, thành lập hàng loạt các tổ

(1) Xem: Tăng Văn Khiên: *Tạp chí Cộng sản*, số 10-2007

chức tài chính ngân hàng, hình thành những thị trường cơ bản như: thị trường tiền tệ, lao động, hàng hóa, đất đai, khoa học và công nghệ,... Cải cách hành chính được đẩy mạnh. Chiến lược cải cách hành chính giai đoạn 2001 - 2010 chính là một quyết tâm lớn của Chính phủ Việt Nam, trong đó nhấn mạnh đến việc sửa đổi các thủ tục hành chính, luật pháp, cơ chế quản lý kinh tế nhằm tạo ra sự năng động, đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

2 - Những hạn chế về chất lượng tăng trưởng kinh tế

Nhìn chung, đánh giá về mặt lượng, cho đến nay, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng với mức độ khá cao và đạt được những thành tựu đáng tự hào về tăng GDP trên bình quân đầu người, giảm tỷ lệ nghèo đói, cải thiện chất lượng cuộc sống, tăng năng suất lao động, ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới thể chế,... Tuy nhiên, nếu nhìn nhận một cách tổng quát, khách quan thì chất lượng tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam còn chưa tốt, thể hiện cụ thể như sau:

- *Hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào cho tăng trưởng kinh tế còn thấp.* Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam hiện nay vẫn chủ yếu nghiêng về chiều rộng hơn là chiều sâu, nghĩa là tỷ trọng tác động của 2 nhân tố vốn và lao động gấp nhiều lần tác động của khoa học - công nghệ tới tăng trưởng. Ngay cả khi phát triển theo chiều rộng, yếu tố chủ yếu đóng góp vào tăng trưởng GDP lại là vốn, mà Việt Nam bị thiếu vốn, đang phải đi vay rất nhiều (vừa vay, vừa hoàn trả vốn, với số lãi mà ngân sách phải trả hàng năm chiếm gần 15% tổng chi ngân sách). Trong khi đó, việc sử dụng vốn đầu tư đem lại hiệu quả kinh tế thấp thể hiện rõ qua sự tăng nhanh của hệ số ICOR (đo hiệu quả sử dụng vốn đầu tư).

Lao động là yếu tố dồi dào nhất của Việt Nam, hiện lại đang có xu hướng dư thừa bởi số người đến độ tuổi bổ sung vào đội quân lao động hàng năm vẫn khá lớn (hơn 1 triệu người). Tuy nhiên, yếu tố này đã không được sử dụng hiệu quả để tạo ra tăng trưởng GDP lớn hơn.

Nguồn nhân lực của nước ta đã không được sử dụng hết, thậm chí lãng phí. Cụ thể là:

+ Tỷ lệ thất nghiệp tuy có giảm nhưng vẫn ở mức cao.

+ Tỷ lệ lao động được đào tạo (tốt nghiệp đại học, cao đẳng và dạy nghề) không có việc làm hoặc việc làm không đúng chuyên môn còn rất lớn, gây lãng phí rất nhiều về chi phí đào tạo của gia đình và xã hội, dẫn đến cơ cấu lao động mất cân đối, thừa thầy thiếu thợ. Nhiều lao động trẻ được đào tạo, có trình độ kỹ thuật, có sức khỏe vẫn bị thất nghiệp. Ngoài ra, chương trình đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Học sinh học lý thuyết nhiều, nhưng khả năng vận dụng thực tiễn rất yếu. Học sinh chuyên các ngành khoa học cơ bản không được khuyến khích nên thiếu hụt nghiêm trọng. Như vậy, nguồn lực năng động nhất, cũng là lợi thế phát triển quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững của Việt Nam đang bị lãng phí rất lớn, khó phục vụ hiệu quả cho tăng trưởng kinh tế. Vì thế, năng suất lao động của Việt Nam hiện rất thấp so với các nước trong khu vực.

- *Chất lượng tăng trưởng kinh tế còn thấp thể hiện cả ở yếu tố đầu ra.* Trong cơ chế thị trường, đầu ra - tiêu thụ sản phẩm - có ý nghĩa quyết định quá trình tái sản xuất xã hội. Đầu ra quan trọng nhất trong nền kinh tế Việt Nam thời kỳ đổi mới là xuất khẩu hàng hóa. Mặc dù xuất khẩu của Việt Nam có tốc độ tăng trưởng tương đối cao, chiếm tới 50% GDP của cả nước (cao thứ 6 trong khu vực ASEAN, thứ 9 ở châu Á và thứ 17 trên thế giới), nhưng cơ cấu xuất khẩu của chúng ta đang đối mặt với nhiều vấn đề. Hàng nguyên liệu, hàng thô, hàng sơ chế, hàng gia công hiện vẫn chiếm tỷ trọng khá cao, do đó khả năng thu ngoại tệ chưa khai thác hết. Trong tổng kim ngạch xuất khẩu, kim ngạch của các mặt hàng này chiếm tới 3/4, chủ yếu là do sự tăng nhanh về lượng của các mặt hàng than đá, dầu thô, cà phê, hạt tiêu, điều, chè và sự tăng nhanh về giá của các mặt hàng dầu thô, than đá, gạo, cao su, hạt điều, lạc,...

Trong khi đó, vài năm gần đây, kim ngạch nhập khẩu lẫn tỷ lệ nhập siêu tăng nhanh. Năm

2007 thâm hụt cán cân thương mại đã lên đến trên 10 tỉ USD, tăng hơn 140% so với cùng kỳ năm trước. Điều đáng lưu ý là, nhập siêu tập trung chủ yếu vào khu vực kinh tế trong nước, chứng tỏ Việt Nam chưa tận dụng được thời cơ, chậm khắc phục thách thức do cắt giảm thuế nhập khẩu theo lộ trình hội nhập đã cam kết. Bên cạnh đó, nhiều mặt hàng của chúng ta chưa có thương hiệu riêng hoặc phải dùng thương hiệu của nước khác khi xuất khẩu, nên không tạo ra được giá cả cạnh tranh với hàng hóa cùng loại của các nước trong khu vực và trên thế giới.

+ *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm và lạc hậu.* Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam vẫn chủ yếu tập trung ở một số ngành và sản phẩm truyền thống, có công nghệ không cao như dệt may, thủy sản, nông sản chưa qua chế biến,... Trong những năm gần đây, tuy tăng trưởng kinh tế nhanh hơn những năm 90, nhưng tỷ trọng của ngành công nghiệp chế biến trong GDP còn thấp. Công nghiệp khai thác vẫn chiếm một tỷ trọng khá ổn định trong GDP. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp chậm là một yếu điểm của Việt Nam so với một số nước trong khu vực, nhất là so với Trung Quốc - nước có xuất phát điểm và thời gian bắt đầu mở cửa tương đối gần với Việt Nam. Nếu nước ta tiếp tục mô hình tăng trưởng chủ yếu dựa vào những lợi thế so sánh tĩnh (nguồn tài nguyên thô, lao động rẻ chưa có kỹ năng) như hiện nay, thì khó có thể duy trì được tăng trưởng cao trong dài hạn, nhất là trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng.

+ *Chênh lệch giàu nghèo có xu hướng gia tăng.* Mặc dù Việt Nam đạt nhiều thành công trong công tác chống đói nghèo, nhưng tỷ lệ nghèo đói của Việt Nam ở các vùng Tây Nguyên, vùng núi phía Bắc và vùng duyên hải Bắc Trung Bộ vẫn còn cao. Ngoài ra, khoảng cách giàu nghèo ngày càng doãng rộng đồng thời với quá trình giảm nghèo.

+ *Tài nguyên môi trường chưa được khai thác hiệu quả, ô nhiễm môi trường gia tăng.* Đến nay, đầu tư vào các nguồn tài nguyên, nhất là tài nguyên rừng đang được Chính phủ quan

tâm thực hiện trong các chương trình mục tiêu quốc gia, đặc biệt là Chương trình trồng 5 triệu ha rừng. Tuy nhiên, trong thời kỳ 10 năm (1990 - 2000), diện tích rừng trồng mới tăng trung bình 0,5%/năm, nhưng tỷ lệ diện tích rừng bị cháy và phá rừng cũng rất cao, tập trung ở một số tỉnh nghèo, sản xuất nông nghiệp dựa chủ yếu vào tài nguyên rừng như Lai Châu, Quảng Trị,... Hiệu quả sử dụng năng lượng đã tăng lên đáng kể, nhưng vẫn còn thấp. Lượng đi-ô-xít cac-bon thải ra tính trên đầu người tăng gấp đôi trong thời kỳ đổi mới. Tại một số thành phố và trung tâm công nghiệp, ô nhiễm môi trường nước, không khí và chất thải công nghiệp đã vượt quá mức cho phép. Vấn đề khai thác tài nguyên, đầu tư vào tài sản môi trường và vấn đề ô nhiễm môi trường đang đe dọa sự phát triển bền vững của Việt Nam.

+ *Năng lực cạnh tranh quốc gia thấp và khoảng cách tụt hậu so với các nước trong khu vực có xu hướng tăng.* Việt Nam hiện đang ở trong tình trạng năng lực cạnh tranh thấp và có xu hướng tụt hạng so với thời kỳ trước năm 1996. Vào năm 2003, Việt Nam đứng thứ 60 trên thế giới về năng lực cạnh tranh, tăng 5 bậc so với năm 2002, nhưng giảm 7 bậc so với thứ hạng 53 của năm 2000 và giảm 21 bậc so với thứ hạng năm 1998. Năm 2006, Việt Nam xếp thứ 77/125 quốc gia, tụt 3 hạng so với năm 2005. Xét theo từng tiêu chí, tình hình cụ thể như sau: thể chế kinh tế xếp thứ 74; kết cấu hạ tầng xếp thứ 83; kinh tế vĩ mô xếp thứ 53; giáo dục phổ thông và y tế xếp thứ 56; giáo dục đại học xếp thứ 90; hiệu quả của cơ chế thị trường xếp thứ 73; công nghệ xếp thứ 85... Nếu so sánh năng lực cạnh tranh của Việt Nam với một số nước ASEAN, thì Xin-ga-po xếp thứ 26, Thái Lan xếp thứ 35, In-đô-nê-xi-a xếp thứ 50, Phi-lip-pin xếp thứ 71, Cam-pu-chia xếp thứ 103. Như vậy, Việt Nam chỉ xếp trên Cam-pu-chia. Các nước Lào, Bru-nây, Mi-an-ma chưa được xếp hạng về năng lực cạnh tranh. Năng lực cạnh tranh thấp và có xu hướng tụt bậc này cho thấy, Việt Nam đang đứng trước rất nhiều nguy cơ có thể bị tụt hậu so với các nước trong khu vực và trên thế giới. □